

Bản án số: 167/2024/HC-PT

Ngày 04-5-2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các Thẩm phán: bà **Võ Thị Ngọc Dung**

ông **Trương Minh Tuấn**

Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 324/2023/TLPT-HC ngày 21/11/ 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 151/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: 1 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hồ Quang N1, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn N2 – Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30/5/2012, gia đình ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị L có ký kết hợp đồng giao khoán đất sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV C, đối với các hợp đồng giao khoán số 102/2012/HĐ và 103/2012/HĐ, theo đó gia đình ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L nhận khoán 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 07 (TĐ 2-2021), diện tích 6.270 m² và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 07 (TĐ 2-2021), diện tích 6.608,3 m², cả hai thửa đất nêu trên đều tọa lạc tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày 30/5/2012 đến hết ngày 31/12/2035. Sau khi nhận giao khoán, gia đình chúng tôi đã quản lý, sử dụng đúng mục đích theo hợp đồng giao khoán là canh tác trồng cà phê.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7 m² tại các phường T, T, T, T, T, T và xã E, thành phố B của Công ty TNHH MTV C và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk và UBND thành phố B, quản lý lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. Tuy nhiên, từ thời điểm UBND tỉnh Đ ban hành quyết định thu hồi đất đến thời điểm UBND thành phố B thu hồi đất để thực hiện dự án, gia đình ông N, bà L vẫn canh tác nông nghiệp, chăm sóc cây trồng trên diện tích đất nêu trên và không bị xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền.

Tại các quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/06/2022; Quyết định số 10482/QĐ-UBND, ngày 23/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, UBND thành phố B đã hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho gia đình ông N, bà L nhưng không hỗ trợ khác đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông N, bà L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013; Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ; Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ thì gia đình ông N, bà L thuộc trường hợp được hỗ trợ khác. Do đó, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy một phần Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022; Hủy một phần quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện dự án Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Nam tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B. Buộc UBND thành phố B lập bổ sung phương án để hỗ trợ khác cho gia đình ông N, bà L bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt.

Quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố B - Ông Lê Đại T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ông Nguyễn Hoài N sử dụng thửa đất số 148, tờ bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 6.270 m² có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 102Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 30/5/2012

đến ngày 31/12/2035. Bà Nguyễn Thị L sử dụng thửa đất số 149, tờ bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 6.608,3 m² có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 103Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 30/5/2012 đến ngày 31/12/2035 (02 thửa đất nêu trên đã được UBND tỉnh Đ thu hồi giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 và Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 02/02/2016).

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư Phía nam tại phường T tại Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, trên cơ sở đó Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Hoài N là 1.466.435.798 đồng, bà Nguyễn Thị L là 1.411.731.006 đồng. Ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị L đã nhận đủ số tiền nêu trên vào ngày 07/10/2022 và bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi.

Đối với nội dung ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi:

Hộ ông Nguyễn Hoài N và vợ Nguyễn Thị L 05 nhân khẩu, trong đó ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị L là công nhân của Công ty TNHH MTV C nghỉ thôi việc, 03 nhân khẩu còn lại không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp, đủ điều kiện hỗ trợ. Gia đình ông N, bà L trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất thu hồi nên được áp dụng khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 2 Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ (được hướng dẫn tại Công văn số 4310/UBND-NNMT ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ) đối với 03/05 nhân khẩu theo diện tích đất thu hồi (số tiền 726.084.000 đồng tại thửa đất số 148 và 791.748.000 đồng tại thửa đất số 149).

Theo đó, hộ ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L đã được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 2 Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, do đó không được áp dụng khoản hỗ trợ khác tại khoản 3 Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ (nội dung này đã được UBND tỉnh Đ phúc đáp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 6207/UBND-NNMT ngày 21/7/2023).

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị L do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/06/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 đã đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó, nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị L là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn của ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị L.

Nội dung vụ án như trên, **Bản án hành chính sơ thẩm số 151/2023/HC-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã Quyết định:**

Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Áp dụng: Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L.

- Hủy một phần Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình “Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1)” đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L.

- Hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1) đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho hộ ông Nguyễn Hoài N khi thu hồi thửa đất số 148 và hộ bà Nguyễn Thị L khi thu hồi thửa đất số 149.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 29/9/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B (Người bị kiện) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện vì: hộ ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L đã được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, do đó không được áp dụng khoản hỗ trợ khác tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; Người bị kiện không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu như trên, các bên không đối thoại được với nhau về yêu cầu khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 151/2023/HC-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Sau khi nghe: nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện có kháng cáo, Người khởi kiện đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 168 và khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét kháng cáo của người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố B, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, B yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện vì: hộ ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L đã được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, do đó không được áp dụng khoản hỗ trợ khác tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì thấy:

[2.1]. Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 07 (TĐ02/2021), diện tích 6.270 m² là đất do ông Nguyễn Hoài N nhận khoán đất của Công ty TNHH MTV C theo Hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 102Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 30/5/2012 đến ngày 31/12/2035.

Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 07 (TĐ2-2021), diện tích 6.608,3 m² là đất do bà Nguyễn Thị L nhận khoán đất của Công ty TNHH MTV C theo Hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 103Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 30/5/2012 đến ngày 31/12/2035.

Hai thửa đất nêu trên đã được UBND tỉnh Đ thu hồi giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 và Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 02/02/2016

Tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Hoài N số tiền là 1.466.435.798 đồng. Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 1.411.731.006 đồng. Ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị L thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Như vậy, hộ ông N, bà L được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

[2.2]. Đối với khoản hỗ trợ khác:

Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

“Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp

tình xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”;

Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp... thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T1 của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp...nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng...thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B1 đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này*”. Như vậy, theo quy định được trích dẫn ở trên thì không có quy định đã được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì không được hỗ trợ khác.

Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B không hỗ trợ khác cho hộ ông Nguyễn Hoài N, hộ bà Nguyễn Thị L là không đúng các quy định được trích dẫn ở trên. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, bà L để hủy một phần Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ mới, trong đó bổ sung khoản hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho ông N, bà L là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Người bị kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác kháng cáo của Người bị kiện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 151/2023/HC –ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do bác kháng cáo nên Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 151/2023/HC –ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L.

- Hủy một phần Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình “Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1)” đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L.

- Hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1) đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho hộ ông Nguyễn Hoài N khi thu hồi thửa đất số 148 và hộ bà Nguyễn Thị L khi thu hồi thửa đất số 149.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003396 ngày 16/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 151/2023/HC-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến